TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 11 – 01 - 2021
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Bích Thuận
2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2019/TLST-DS ngày 27/12/2019, về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 122/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S.
Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tr – sinh năm 1980 (theo giấy ủy quyền số 2018/2020/UQ-TTT ngày 02/6/2020) (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông N Đ M – sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đường N V L, phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019 của Ngân hàng S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời khai của bà Tr đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau:

Ông N Đ M có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 05/12/2007, hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng quốc tế ngày 17/12/2007 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, để vay tiền của Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-0987 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo thông báo về lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011), thời hạn thanh toán sau 25 ngày kể từ ngày 31 hàng tháng. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho ông M thẻ số 472074 - 0987.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.300.000 đồng và đã thanh toán số tiền 21.803.027 đồng (trong đó nợ gốc là 12.639.441 đồng, lãi trong hạn: 5.070.821 đồng, các loại phí: 4.093.200 đồng). Quá trình trả nợ ông M đã nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 01/12/2014 thì ngưng thanh toán cho đến nay nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M không có thiện chí trả nợ. Ngày 01/12/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông M, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 2.660.559 đồng sang nợ quá hạn.

Ngân hàng S do bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định Ngân hàng yêu cầu cá nhân ông N Đ M thanh toán tổng số tiền còn nợ gốc là 2.660.559 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/01/2021 là 6.357.780 đồng và tiền lãi theo lãi suất 3,225%/tháng phát sinh kể từ ngày 12/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Ông N Đ M không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 04/10/2019 Ngân hàng S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) trong đó ghi người bị kiện là ông N Đ M có địa chỉ là đường N V L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông M không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh ngày 10/02/2020 của Công an Phường M, Quận S). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền vay còn nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 05/12/2007, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2007 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, có ghi địa chỉ của ông M là đường N V L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông M, nhưng ông M thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với ông N Đ M, có nơi cư trú cuối cùng tại đường N V L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N Đ M theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét ông M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và Ngân hàng S do bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N Đ M, bà Tr đại diện Ngân hàng S.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho ông N Đ M thông báo thụ lý số 1634/TB-TLVA ngày 31/12/2019 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng S yêu cầu ông M trả tiền vay còn nợ. Phía ông M không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông M đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 05/12/2007, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2007 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, cùng lời khai của đại diện Ngân hàng cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và ông M là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 122, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: ông N Đ M được Ngân hàng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-0987 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định là 2,15%/tháng (theo thông báo về lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011), thời hạn thanh toán sau 25 ngày kể từ ngày 31 hàng tháng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng 15.300.000 đồng và đã thanh toán 21.803.027 đồng (trong đó nợ gốc là 12.639.441 đồng, lãi trong hạn: 5.070.821 đồng). Trong quá trình trả nợ, ông M nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 01/12/2014 thì ngưng thanh toán cho đến nay. Ngày 01/12/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông M, chuyển toàn bộ nợ dư còn thiếu là 2.660.559 đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, ông N Đ M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ vay gồm: nợ gốc là 2.660.559 đồng và nợ lãi tính đến ngày 11/01/2021 là 6.389.240 đồng, tổng cộng là 9.049.799 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền ông N Đ M còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự, ông M phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 9.049.799 (chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi chín) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, ông N Đ M còn phải trả cho Ngân hàng S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2007, bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 2,15%/tháng x 150% = 3,225%/tháng, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 12/01/2021 đến khi trả hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do ông M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.049.799 đồng x 5%= 452.489 đồng.

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 192.712 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011948 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng S:

Buộc ông N Đ M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền vay còn nợ là 9.049.799 (chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi chín) đồng (trong đó: nợ gốc là 2.660.559 đồng và nợ lãi tính đến ngày 11/01/2021 là 6.389.240 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 05/12/2007, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/12/2007.

Ông N Đ M phải trả cho Ngân hàng S toàn bộ số tiền 9.049.799 (chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm chín mươi chín) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông N Đ M còn phải trả cho Ngân hàng S tiền lãi theo lãi suất là 3,225%/tháng, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 12/01/2021 đến khi trả hết nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N Đ M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 452.489 (bốn trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tạm ứng án phí đã nộp là 192.712 (một trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm mười hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0011948 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S và ông N Đ M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa